

**BÁO CÁO
THƯỜNG
NIÊN
NĂM
2015**

March 7

2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM



MỤC LỤC

1. Giới thiệu về Công ty

2. Tình hình hoạt động kinh doanh

3. Báo cáo Ban Giám đốc

4. Báo cáo Hội đồng Quản trị

5. Quản trị Công ty

6. Báo cáo tài chính



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



PPC *Vườn xa cùng hạt ngọc*

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1900437757
- Vốn điều lệ: 32.650.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.650.000.000 đồng
- Địa chỉ: Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Số điện thoại: 07813 957 555
- Số fax: 07813 957 666
- Website: www.pbp.vn
- Mã cổ phiếu: PBP





2. Quá trình hình thành và phát triển

2010

Công ty chính thức thành lập ngày 08/06/2010, với vốn điều lệ ban đầu là: 25.000.000.000 đồng
Ngày 28/6/2010, Lễ động thổ khởi công xây dựng dự án Nhà máy sản xuất bao bì Dầu khí tại Bạc Liêu.

2011

Ngày 22/6/2011, Lễ ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc bao tiêu sản phẩm Bao bì cho Nhà máy Đạm Cà Mau.

Đầu tháng 7/2011, dự án Nhà máy sản xuất bao bì Dầu khí tại Bạc Liêu hoàn thành đúng tiến độ đề ra.

Tháng 4/2011, Công ty PPC tăng vốn điều lệ lên 32,65 tỷ đồng.

2012

Đầu năm 2012, Nhà máy sản xuất bao bì Dầu khí đi vào hoạt động thương mại chính thức.

Cuối năm 2012, Công ty chính thức trở thành Công ty con của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).

2. Quá trình hình thành và phát triển (tt)

2013

Công ty đã đi vào hoạt động ổn định và an toàn với công suất đạt hơn 90% công suất thiết kế.

Tháng 4/2013 Công ty PVFCCo thực hiện chuyển nhượng vốn sở hữu tại Công ty PPC cho Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau

2014

Tháng 9/2014 Công ty PVCFC đã thực hiện bán bớt cổ phần sở hữu tại PPC từ 77,03% xuống còn 51,03% vốn điều lệ PPC.

Cuối năm 2014, Công ty PPC đã được chấp thuận là Công ty đại chúng trên HNX.

2015

Ngày 27/01/2015, PPC chính thức trở thành Công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



3. Những thành tựu đạt được trong năm

- ✦ Năm 2015, là năm thứ tư Nhà máy đi vào hoạt động ổn định, sản lượng sản xuất tăng trưởng đều qua các năm (tốc độ tăng trưởng bình quân 4,4%/năm). Năm 2015 sản lượng đạt cao nhất đạt 18.305 nghìn bao.
- ✦ PPC đã từng bước phát triển thị trường kinh doanh bao ngoài, được thể hiện qua tốc độ tăng trưởng bình quân sản lượng kinh doanh bao ngoài qua 3 năm (2013-2015), khoảng 80%/năm.
- ✦ Công ty trở thành Công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- ✦ Doanh nghiệp được xếp loại A, được bằng khen của Bộ Công thương, được bằng khen của thủ tướng chính phủ.
- ✦ Triển khai và vận hành thành công hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP) tại PPC.

4. Những hoạt động nổi bật trong năm

- ◆ Ký Phụ lục Hợp đồng tiêu thụ Bao bì cả năm 2015 với Đạm Cà Mau;



- ◆ Niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);



- ◆ Triển khai và vận hành thành công hệ thống quản trị doanh nghiệp (SAP – ERP);



5. Ngành nghề và kinh doanh

➤ Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh Bao bì PP, PE phục vụ cho các ngành Nông nghiệp, thủy sản, phân bón...

➤ Địa bàn kinh doanh:



6. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

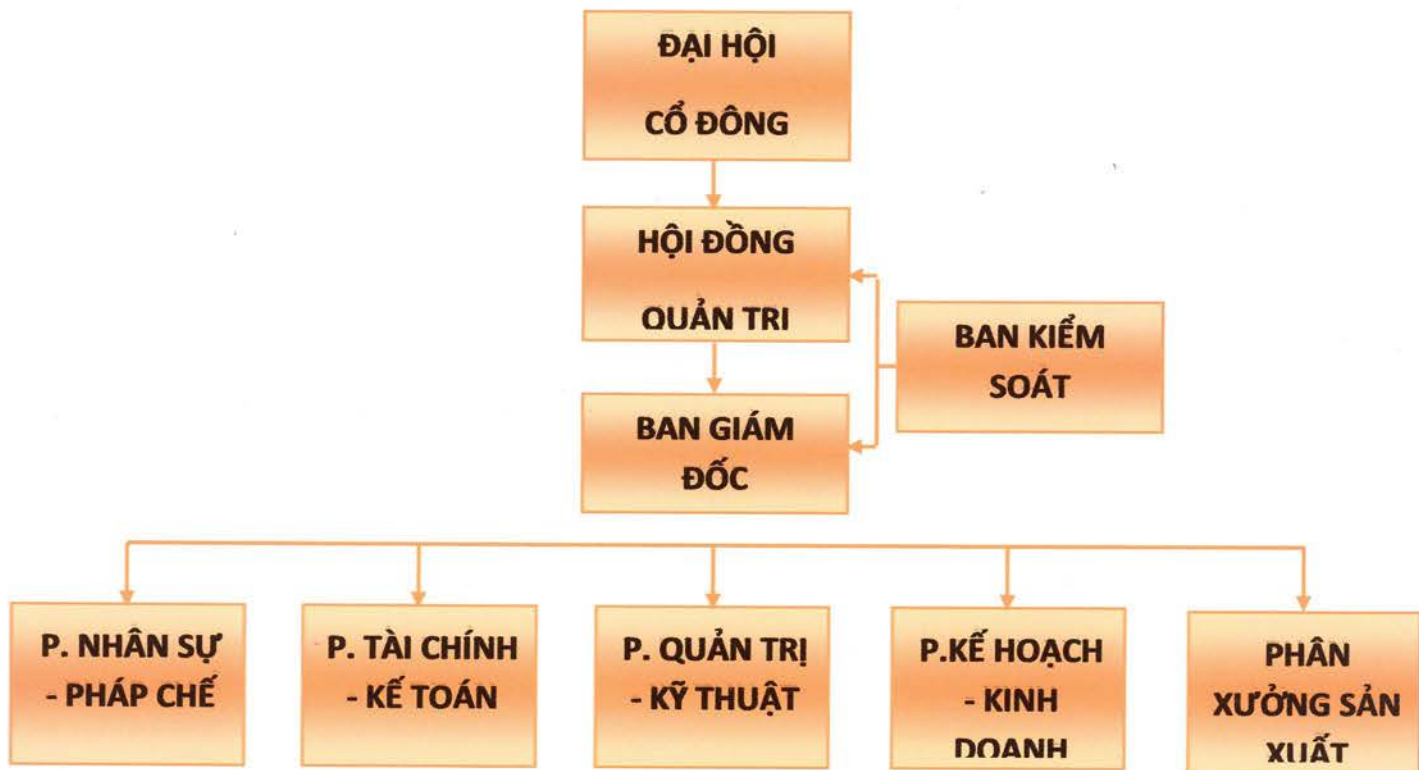
✚ Mô hình quản trị:

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan.

✚ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý Mô hình quản trị: Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

➤ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



7. Định hướng và phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

◆ Về Sản phẩm:

Xây dựng định vị thương hiệu bao bì chất lượng cao trên thị trường trong nước;

Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

◆ Nhân sự:

Tinh gọn - Chuyên nghiệp - Hiệu quả.

◆ Về Kinh doanh:

Đi đầu về chất lượng, giá cả;

Thiện chí trong liên kết, hợp tác với khách hàng, đối tác;

Xây dựng và giữ vững phương châm: Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả.

◆ Về Tài chính:

Cơ cấu và sử dụng nguồn vốn đúng đắn và hiệu quả;

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phát triển xuất khẩu Bao bì sang các thị trường Campuchia, Lào, Thái Lan...

Từng bước thâm nhập và phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh Phân bón.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Phát triển Công ty luôn gắn liền với trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng



8. Các rủi ro

Rủi ro về nguyên vật liệu/ tỷ giá:

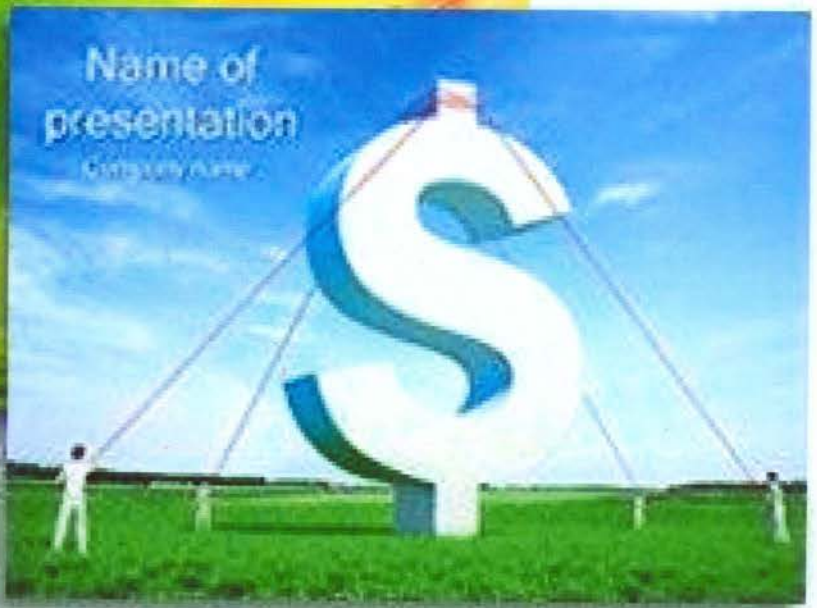
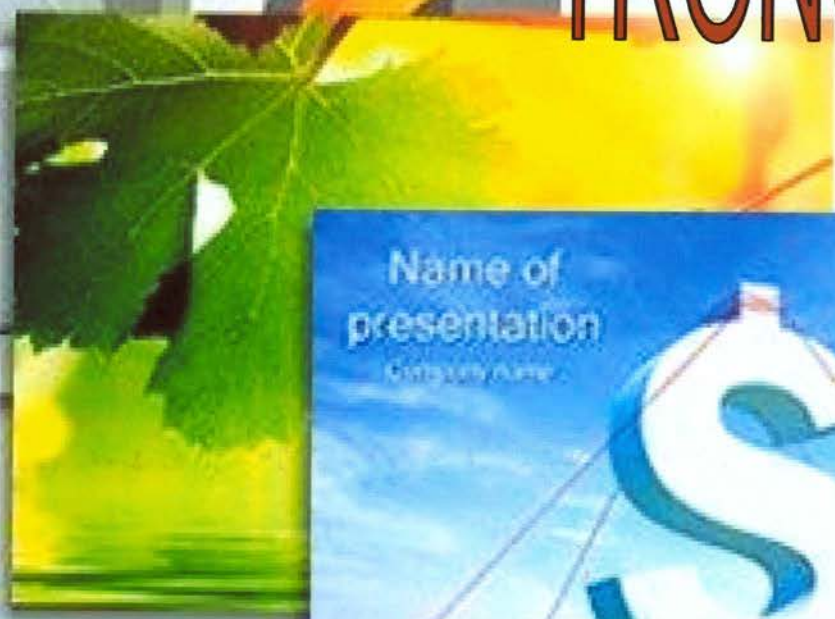
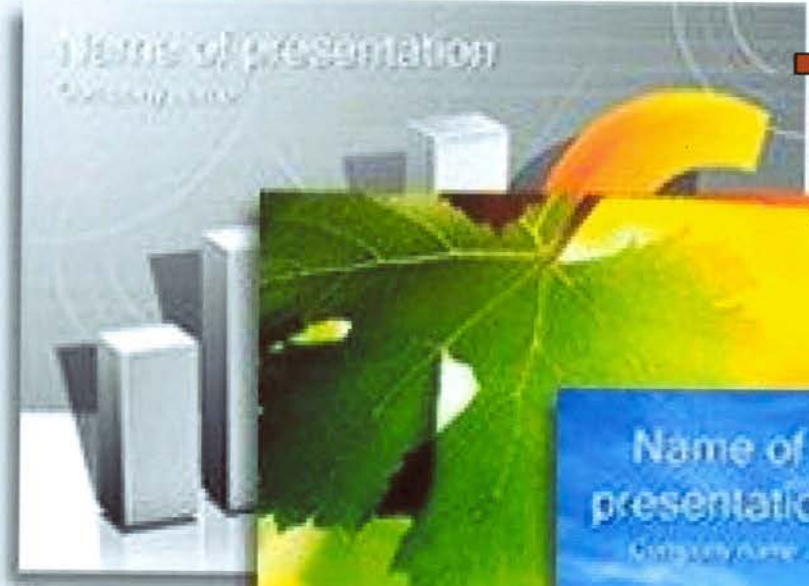
Nguồn nguyên liệu chính của Công ty chủ yếu là hạt nhựa PP. Hiện tại, hạt nhựa PP được lấy chủ yếu từ Nhà máy lọc Dầu Dung Quất. Tuy nhiên, theo đánh giá của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), nguyên liệu sản xuất trong nước hiện chỉ đáp ứng 20 - 30% nhu cầu với các sản phẩm chủ yếu gồm nhựa PVC, PET, PP; 70% nguyên vật liệu còn lại của ngành đang phụ thuộc vào nhập khẩu. Do đó, giá hạt nhựa trong nước luôn bị biến động theo giá hạt nhựa từ thế giới và biến động của tỷ giá ngoại tệ, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm của Công ty.

Các rủi ro khác:

Những rủi ro khác là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai (động đất, bão lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh ...), chiến tranh, khủng bố, khủng hoảng kinh tế.... Những rủi ro này rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực không thể lường trước được đối với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

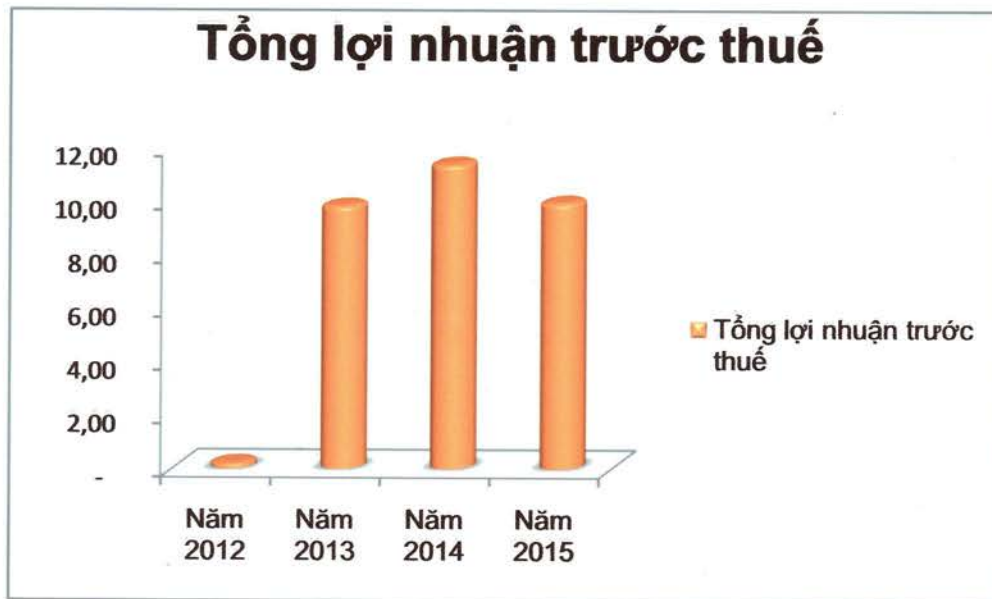
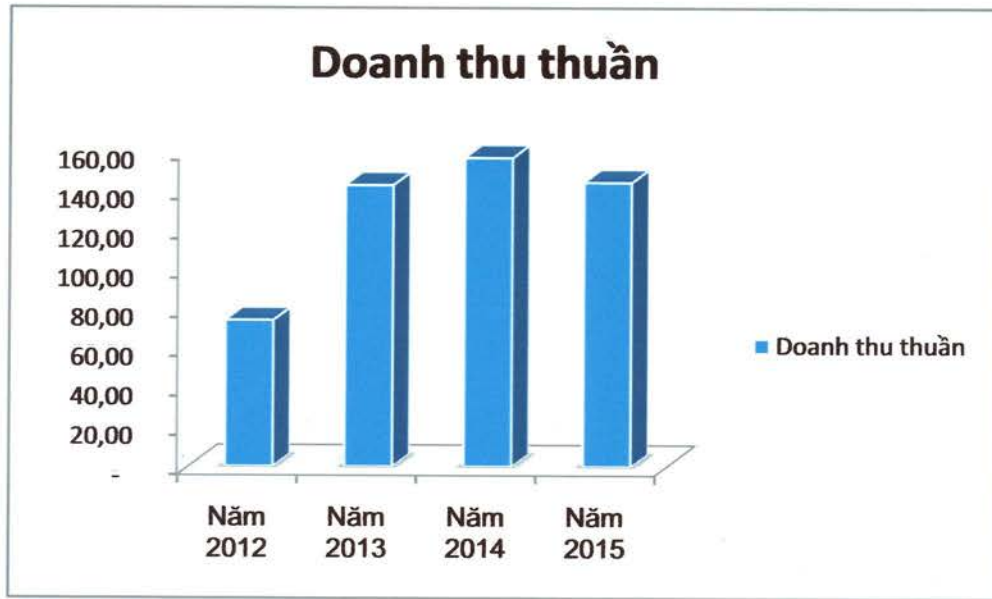
Năm 2015, trước bối cảnh giá dầu liên tục giảm mạnh, tác động lớn đến nền kinh tế chung của Ngành Dầu khí, Công ty PPC cũng chịu ảnh hưởng tình hình chung đó. Tuy nhiên với sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Công ty mẹ PVCFC, cùng với sự đồng tâm hiệp lực, quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015 đề ra. Cụ thể được thể hiện các chỉ tiêu sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	% TH 2015/ TH 2014	% TH 2015/ KH 2015
1	Sản lượng sản xuất	Nghìn bao	17.325	16.611	18.305	105,66%	110,20%
2	Sản lượng tiêu thụ	Nghìn bao	17.296	16.611	18.162	105,01%	109,34%
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	157.285	149.240	144.599	91,93%	96,89%
4	Doanh thu thuần	Triệu đồng	156.913	149.240	144.477	92,07%	96,81%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.378	4.792	9.941	87,37%	207,47%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.240	4.312	8.947	87,37%	207,47%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	20,00%	9,50%	Dự kiến 25%	125,00%	263,16%
8	Đầu tư thiết bị	Triệu đồng	2.637	2.545	2.179	82,62%	85,59%

Tổng doanh số năm 2015 đạt 18.162 nghìn bao tăng 5,01% so với cùng kỳ năm 2014 và hoàn thành vượt 109,34% so với KH năm 2015. Tổng doanh thu năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước là 8,07% và chỉ đạt 96,89% so với kế hoạch năm 2015 đề ra.

Nguyên nhân doanh thu chưa hoàn thành so với kế hoạch là do: trong năm 2015, tình hình giá hạt nhựa đầu vào biến động giảm mạnh so với thời điểm lập kế hoạch; trung bình giảm khoảng 3.800 đồng/kg tương đương giảm hơn 600 đồng/cái bao, tương đương giảm khoảng 11 tỷ đồng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đề ra, cụ thể lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 9.941 triệu đồng vượt 207% so với KH năm 2015.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (tt)



2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Lê Quốc Dũng	Giám đốc	392.750	50.000	442.750	13,56%
2	Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng		1.000	1.000	0,03%

Giới thiệu sơ lược về Ban điều hành

ÔNG LÊ QUỐC DŨNG

CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 11/11/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Công trình và đô thị.

Tóm tắt quá trình công tác:

Năm 2000, công tác tại Công ty Invesco – Tổng công ty xây dựng Hà Nội. Sau đó Ông làm việc cho Công ty Petrosetco đảm nhận chức vụ Phó trưởng Ban Phát triển kinh doanh, Phó trưởng ban Đầu tư Phát triển. Tháng 7/2010 đến nay, Ông đảm nhận chức vụ Giám đốc kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty PPC.

ÔNG LÊ CẢNH KHÁNH

CHỨC VỤ: KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 28/09/1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

Từ năm 1992–1996, Ông đã từng đảm nhận chức vụ Kế Kế toán trưởng: Công Trung tâm Tôm – Đại học Cần Thơ, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ.

Hiện tại, Ông đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng Công ty PPC.

Trong năm 2015, Công ty không có bất kỳ sự thay đổi nào trong Ban Điều hành.

2. Tổ chức và nhân sự (tt)

✚ Thống kê nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	184	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	21	11,41%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	21	11,41%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	2	1,09%
4	Lao động phổ thông	140	76,09%
II	Theo đối tượng lao động	184	100,00%
	Lao động trực tiếp	146	79,35%
	Lao động gián tiếp	38	20,65%
III	Theo giới tính	184	100,00%
	Nam	116	63,04%
	Nữ	68	36,96%
	Tổng cộng	184	100,00%

✚ Chính sách cho Người lao động

Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn –BHLĐ.

Các chế độ phúc lợi khác:

Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm

Tiền ăn giữa ca, Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ, Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm; Đồng phục và BHLĐ.

Các khoản trợ cấp khác: chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí... Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Phụ nữ Việt Nam, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty 10/6, ...

Thu nhập bình quân Người lao động năm 2015 đạt 7,8 triệu đồng/tháng/người



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

Trong năm Công ty không thực hiện đầu tư các dự án lớn mà chỉ thực hiện mua sắm bổ sung một số thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, đã đưa vào hoạt động ổn định.

Các công ty
con, công ty
liên kết: Không
có.

4. Tình hình tài chính

Tài hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	94.615	85.418	-9,72%
Doanh thu thuần	156.913	144.477	-7,93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.290	9.941	-11,95%
Lợi nhuận khác	88	-	-100,00%
Lợi nhuận trước thuế	11.378	9.941	-12,63%
Lợi nhuận sau thuế	10.240	8.947	-12,63%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	63,77%	34,67%	-45,64%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,31	2,10	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,87	1,53	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,45	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,03	0,81	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	16,06	14,52	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,66	1,69	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,53%	6,19%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,93%	18,93%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,82%	10,47%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,20%	6,88%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần:

Tính đến thời điểm 31/12/2015, tổng số cổ phần của Công ty đã phát hành: 3.265.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.265.000 CP
Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
Mệnh giá: 10.000 VNĐ/CP.
Cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.404.600 CP
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 860.400 CP

Cơ cấu cổ đông Theo danh sách chốt ngày 05/02/2015

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng số vốn phát hành	3.251.000	99,57%	14.000	0,43%	3.265.000	100,00%
Cổ đông sở hữu trên 5%	1.906.100	58,38%	-	0,00%	1.906.100	58,38%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	524.200	16,06%	-	0,00%	524.200	16,06%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	820.700	25,14%	14.000	0,43%	834.700	25,57%
Tổng cộng	3.251.000	99,57%	14.000	0,43%	3.265.000	100,00%

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông tổ chức		Cổ đông cá nhân		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng số vốn phát hành	1.906.100	0,00%	1.358.900	41,62%	3.265.000	100,00%
Cổ đông nhà nước	1.666.100	51,03%	-		1.666.100	51,03%
Cổ đông khác	240.000	7,35%	1.358.900	41,62%	1.598.900	48,97%
Tổng cộng	1.906.100	58,38%	1.358.900	41,62%	3.265.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	2001012298	Lô D, khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	1.666.100	51,03%
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	1900271808	09 Trần Phú, P7, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	240.000	7,35%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2015, Công ty không có hoạt động tăng vốn nào.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2015, Công ty không có hoạt động mua bán cổ phiếu quỹ nào.

Các chứng khoán khác: không có.

**VỐN ĐIỀU LỆ
32,65 TỶ ĐỒNG**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Quản lý nguồn nguyên vật liệu



Tổng lượng nguyên vật liệu chính (Hạt nhựa PP, HDPE, LLDPE) sử dụng trong năm 2015 là 2.488 tấn.

Lượng nguyên liệu được tái chế sử dụng lại rất thấp.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty là điện. Năm 2015, lượng điện năng tiêu thụ là 2.665.900 kwh/năm

Tiêu thụ nước

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ 02 nguồn: Nhà máy cấp thoát nước và nguồn nước ngầm. Tuy nhiên lượng nước sử dụng rất ít.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2015, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC



PPC *Vươn xa cùng hạt ngọc*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đặc điểm tình hình

Thuận lợi:

- ◆ Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo Công ty mẹ, lãnh đạo địa phương và sự hỗ trợ các Ban. Kế thừa thương hiệu PVN, ĐCM.
- ◆ 2. Dây chuyền sản xuất tương đối đồng bộ, chất lượng và nguồn đầu ra ổn định.
- ◆ 3. Nhân sự quản lý trẻ, năng động. Đội ngũ CBCNV đoàn kết, lao động sáng tạo.

Khó khăn

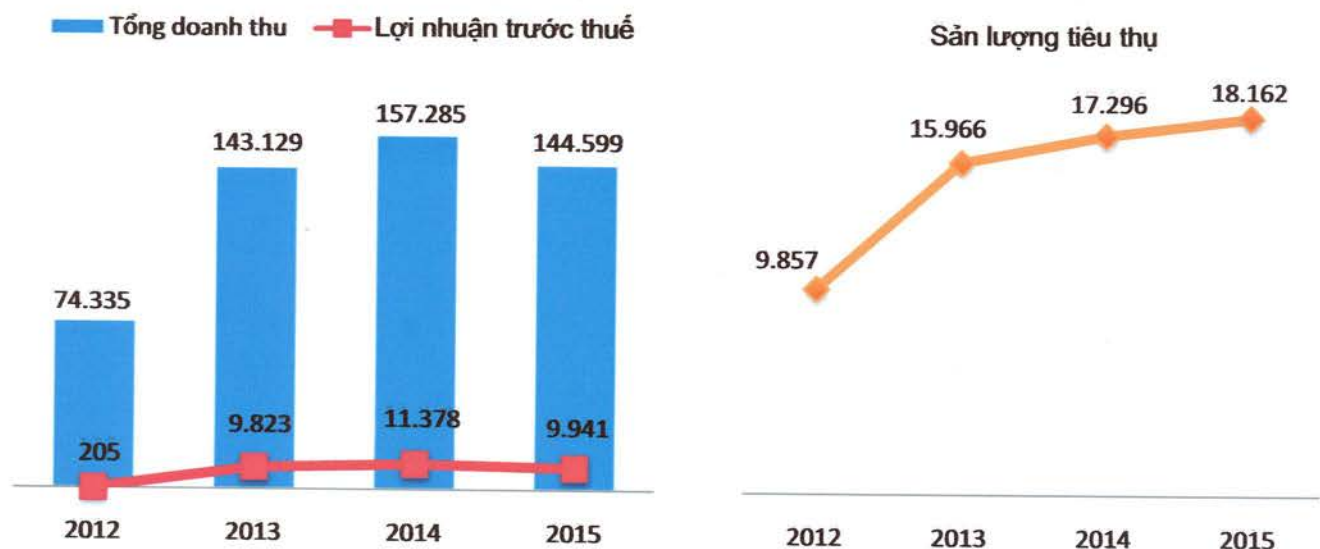
- ◆ Giá NVL chính PP giảm mạnh, khó khăn trong việc hoàn thành chỉ tiêu doanh thu.
- ◆ Nguồn điện chưa ổn định, thường xuyên mất điện, thời gian dừng máy nhiều gây hao hụt tăng và giảm năng suất.
- ◆ Do vị trí địa lý không thuận lợi, khó tuyển dụng công nhân tay nghề cao.
- ◆ Nhà máy chỉ có 1 máy sợi dẫn đến bị động trong SX bao ngoài, TB hao mòn đáng kể làm tăng tỷ lệ hao hụt, chi phí BTBD.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (tt)

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Với sự quyết tâm, phấn đấu của toàn thể CBNV Công ty và sự dự báo, điều hành linh hoạt của Ban điều hành, Công ty đã vượt qua những khó khăn để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	% TH 2015/ KH 2015
1	Sản lượng sản xuất	Nghìn bao	16.611	18.305	110,20%
2	Sản lượng tiêu thụ	Nghìn bao	16.611	18.162	109,34%
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	149.240	144.599	96,89%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.792	9.941	207,47%
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	9,50%	Dự kiến 25%	263,16%
6	Đầu tư thiết bị	Triệu đồng	2.545	2.179	85,59%



Nhìn chung, năm 2015 đã hoàn thành kế hoạch đề ra,

2. Tình hình tài chính

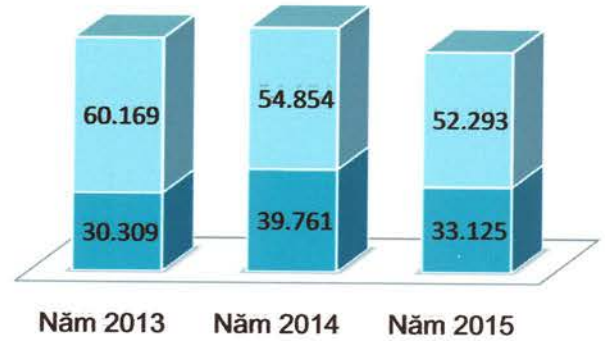
Tình hình tài sản:

Tại thời điểm 31/12/2015, giá trị tổng tài sản công ty đạt 2.060 tỷ đồng, giảm 9,72% so với thời điểm đầu năm.

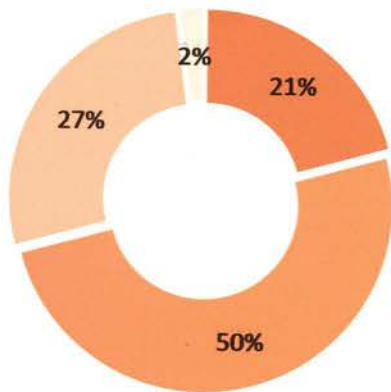
Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản biến động nhẹ qua các năm, đạt 38,78% tại thời điểm 31/12/2015; tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản đến cuối năm là 61,22%, tương đối cao.

Tình hình tài sản qua các năm ĐVT (Triệu đồng)

■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

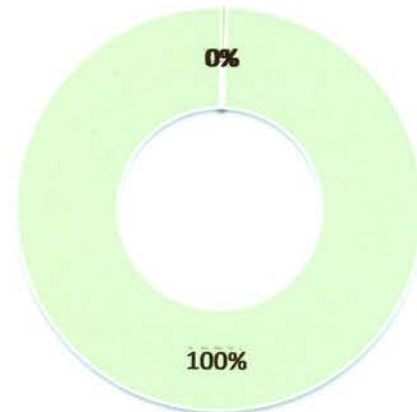


Cơ cấu tài sản ngắn hạn tại 31/12/2015



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

Cơ cấu tài sản dài hạn tại 31/12/2015



- Các khoản phải thu dài hạn
- Tài sản dài hạn khác
- Tài sản cố định

2. Tình hình tài chính (tt)

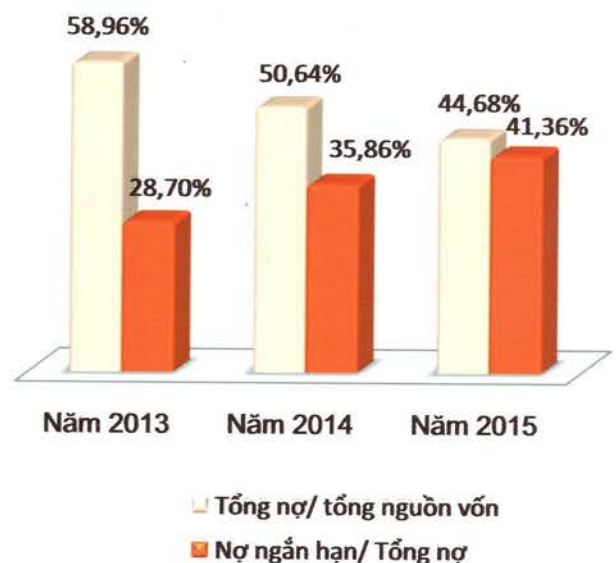
Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH 2015/TH 2014	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015
Nợ ngắn hạn	17.180	15.783	91,87%	35,86%	41,36%
Nợ dài hạn	30.732	22.380	72,82%	64,14%	58,64%
Tổng nợ phải trả	47.912	38.163	79,65%	100,00%	100,00%

Khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là 38.163 triệu đồng, chiếm 44,68% tổng nguồn vốn, giảm 9,749 triệu đồng tương ứng giảm 20,35% so với cùng kỳ năm 2014.

Tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn liên tục giảm qua các năm cho thấy những cải thiện khả quan trong cơ cấu nguồn vốn của công ty, do Công ty đã thực hiện trả nợ theo từng Quý.

Cơ cấu nguồn vốn qua các năm



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2015, Công ty đã triển khai hệ thống phần mềm ERP – là một công cụ quản lý khá hiệu quả



Cải cách về cơ cấu tổ chức: Sắp xếp bộ máy công ty đáp ứng yêu cầu công việc và hiệu quả.



4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016
1	2	3	4
1	Sản lượng sản xuất	Nghìn bao	18.514
2	Sản lượng kinh doanh	Nghìn bao	18.514
3	Bao PP 2 lớp (Bán cho PVCFC)	Nghìn bao	15.673
4	Bao khác bán bên ngoài	Nghìn bao	2.841
5	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	145.679
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.874
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%
8	Thu nhập bình quân của người lao động	Trđ/người/tháng	7,11

Các giải pháp trọng yếu:

Về sản xuất, kỹ thuật và công nghệ

- Áp dụng và tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện bộ định mức tiêu hao nguyên vật liệu, thực hành tiết kiệm nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng từng công đoạn từ đầu vào, quá trình sản xuất, đến đầu ra.
- Áp dụng triệt để các quy chế, quy định và quy trình để đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định, an toàn, sản phẩm đạt chất lượng và công suất cao. Tăng cường thực hiện đào tạo nội bộ thường xuyên để nâng cao tay nghề vận hành sản xuất.
- Chủ động cập nhật thông tin xu hướng bao bì của thị trường, nghiên cứu tham quan học hỏi các đơn vị bạn trong ngành để cải tiến đa dạng hóa sản phẩm.
- Kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao vật tư phụ tùng thay thế trong bảo trì bảo dưỡng; lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ hợp lý và hiệu quả nhằm giảm thiểu thời gian dừng máy.
- Thường xuyên đánh giá công suất vận hành của từng máy móc thiết bị cũng như công suất của toàn nhà máy để đưa ra các giải pháp, cải tiến nhằm tối ưu hóa sản xuất.

Tổ chức triển khai và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO) trong sản xuất.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (tt)

Các giải pháp trọng yếu:

Về kinh doanh – thị trường

- Phối hợp chặt chẽ các Ban chức năng PVCFC trong công tác cung ứng Bao bì cho nhà máy Đạm Cà Mau đảm bảo chất lượng và kịp thời.
- Tăng cường hoạt động kinh doanh bao bì ngoài ngành, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiềm năng:
 - + Tập trung khai thác các khách hàng có quy mô hoạt động lớn, có nhu cầu bao bì chất lượng cao và ổn định như các công ty gạo xuất khẩu, phân bón, thức ăn chăn nuôi.
 - + Tập trung tổ chức khai thác thị trường mục tiêu Campuchia.
 - + Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, năng động, trình độ hướng đến khai thác thị trường xuất khẩu.
 - + Phối hợp với Bộ phận kỹ thuật SX nghiên cứu, phát triển các sản phẩm bao bì mới nhằm đáp ứng theo xu hướng bao bì của khách hàng.
- Tăng cường hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt nhằm thiết lập mối quan hệ hợp tác lâu dài với các khách hàng tiềm năng.
- Tổ chức nghiên cứu thị trường để hướng đến sự phát triển đa dạng ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

Về đầu tư:

Tập trung cao độ để triển khai nhanh chóng, hiệu quả dự án mua sắm thiết bị bổ sung nâng cao công suất nhà máy và các dự án đầu tư phát triển mới (Kho bao và dự án sản xuất thử nghiệm Phân bón), theo đúng quy định hiện hành.

Về Tài chính

- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát dòng tiền, nguồn hàng tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Lập phương án bổ sung nguồn vốn để đầu tư một cách hiệu quả.
- Thực hiện chức năng giám sát tài chính, tăng cường kiểm soát nội bộ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (tt)

Về Tổ chức, Nhân sự, Lao động tiền lương và văn hóa Doanh nghiệp:

- Luôn hoàn thiện mô hình tổ chức phù hợp với sự phát triển của Công ty và phát huy tối đa nguồn lực hiện có.
- Luôn quan tâm; nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần để CBCNV an tâm công tác.
- Luôn xây dựng chính sách giữ và thu hút nhân sự giỏi về Công ty.
- Tăng cường triển khai các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.
- Luôn cập nhật, bổ sung hệ thống quy chế, quy trình nội bộ.
- Tiếp tục xây dựng, tuyên truyền và phổ biến văn hóa doanh nghiệp đến từng CBCVN trong toàn Công ty.

Môi trường, an toàn, sức khỏe

- Mở lớp tập huấn về an toàn lao động và phòng cháy cho CBCNV nhà máy.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về môi trường.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách chăm sóc sức khỏe và cải thiện môi trường làm việc cho CBCNV.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PPC *Vươn xa cùng hạt ngọc*



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Năm 2015, dưới sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của Ban Giám đốc đã kịp thời đề ra định hướng và mục tiêu phát triển Công ty theo từng thời kỳ một cách phù hợp. Công ty đã thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, hoạt động phát triển kinh doanh an toàn và hiệu quả. Kết quả được thể hiện qua các chỉ tiêu như sau:

- ✚ **Về doanh thu thực hiện:** Trong năm qua, do tình hình giá dầu thế giới giảm mạnh nên giá nguyên liệu giảm theo, kéo theo giá bán giảm dẫn đến doanh thu năm 2015 đạt thấp hơn kế hoạch đề ra (đạt 96,89% so với KH), tuy nhiên nhưng sản lượng kinh doanh tăng so kế hoạch 9,04%.
- ✚ **Về lợi nhuận thực hiện:** dưới sự quản lý chặt chẽ chi phí, tăng cường cải tiến trong sản xuất để tăng năng suất lao động nên kết quả lợi nhuận trong năm của Công ty đã vượt mức kế hoạch đề ra (đạt 207,47% so với KH).
- ✚ **Về các mặt hoạt động khác:**

Công ty luôn quan tâm đến việc tìm kiếm và đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động và phát triển công ty, áp dụng các hình thức động viên khen thưởng, phát động chương trình phát huy cải tiến sáng kiến nhằm cho người lao động ngày càng có ý thức, trình độ và tự nguyện đóng góp công sức cho hoạt động sản xuất kinh doanh công ty.

Tổ chức thực hiện, giám sát và tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất.

Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành; tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định; lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận cũng như hỗ trợ giúp đỡ cho những gia đình công nhân nghèo.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Giám đốc và đội ngũ quản lý là những người có tâm huyết, đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị:

- ◆ Giám đốc đã tổ chức chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty đúng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu, góp phần đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.
- ◆ Giám đốc luôn sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, không ngừng tư duy phân tích tìm ra những nguyên nhân còn hạn chế và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động công ty.
- ◆ Thường xuyên phát động, động viên người lao động hăng say mạnh dạn đóng góp những ý tưởng cải tiến sáng kiến cho công ty.
- ◆ Luôn quan tâm xây dựng phát triển nguồn nhân lực đủ mạnh bảo đảm cho sự phát triển Công ty thông qua việc tìm kiếm và đào tạo tài năng; giao việc và luân chuyển cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn và quản lý; tạo động lực và động viên đội ngũ nhân viên đóng góp tốt nhất cho Công ty thông qua hệ thống đánh giá nhân viên và chính sách khen thưởng, thăng cấp hàng năm.
- ◆ Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Điều lệ Công ty; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo qui định pháp luật.



3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT

Các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2016:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016
1	Sản lượng sản xuất	Nghìn bao	18.514
2	Sản lượng tiêu thụ	Nghìn bao	18.514
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	144.907
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.415
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.874
6	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10,00%

Định hướng:

- ◆ Tập trung nghiên cứu cải tiến, phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi: Bao bì, nhằm nắm bắt & đáp ứng kịp thời các cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do đem lại.
- ◆ Tăng cường xuất khẩu Bao bì sang các thị trường mục tiêu: Campuchia, Lào...
- ◆ Tập trung trong công tác đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón hoàn thành trong năm 2016 và triển khai vận hành ổn định.
- ◆ Tăng cường công tác quản trị, giám sát và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của an điều hành để thực hiện đạt các chỉ tiêu của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2015.
- ◆ Tăng cường việc quản lý, theo dõi hoạt động Công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin của ban điều hành để có hỗ trợ kịp thời.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện	SL cổ phần	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Đức Hạnh	CT. HĐQT	620.350	8.800	19,27%
2	Lê Quốc Dũng	TV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	392.750	50.000	13,56%
3	Tống Việt Thống	TV. HĐQT	326.500	-	10,00%
4	Trần Như Quỳnh	TV. HĐQT	326.500	-	10,00%
5	Trần Thiên Hồng	TV. HĐQT	-	-	0,00%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập các tiểu ban

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ qui định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện Nghị quyết bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng email. Cụ thể:

- HĐQT xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động SXKD mỗi tháng, mỗi quý trong năm 2015, báo cáo tài chính quý 4 và cả năm 2014, báo cáo tài chính hàng quý của Ban Giám đốc.
- HĐQT tổ chức và tham gia các cuộc họp định kỳ hàng Quý để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Quý và đề ra các giải pháp để hoàn thành kế hoạch SXKD của Quý tiếp theo.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Giám sát, chỉ đạo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

1. Hội đồng quản trị (tt)

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, đều được thống nhất đưa ra các quyết định, nghị quyết với các nội dung cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-PPC-HĐQT	25/04/2015	V/v Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 và Kế hoạch thực hiện chia cổ tức năm 2014
2	02/NQ-PPC-HĐQT	27/10/2015	Vv phê duyệt chủ trương nghiên cứu Dự án xây dựng nhà máy thử nghiệm Phân bón
3	03/NQ-PPC-HĐQT	16/11/2015	Vv phê duyệt chủ trương nghiên cứu cơ hội đầu tư Kho Bao bì Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu
4	04/NQ-PPC-HĐQT	31/12/2015	Vv phê duyệt KH Quý tiền lương năm 2015, Kế hoạch SXKD năm 2016 của PPC
5	01/QĐ-PPC-HĐQT	19/01/2015	V/v Phê duyệt ngày niêm yết và giá chào sàn cổ phiếu PBP
6	02/QĐ-PPC-HĐQT	12/03/2015	V/v Phê duyệt chương trình ĐHCĐ năm 2015
7	03/QĐ-PPC-HĐQT	12/03/2015	V/v Phê duyệt quyết toán tiền lương năm 2014
8	04/QĐ-PPC-HĐQT	03/04/2015	V/v Kiểm điểm kết quả SXKD Quý I/2015 và phê duyệt các nội dung thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2015
9	05/QĐ-PPC-HĐQT	22/04/2015	Vv Cử Giám đốc đi công tác tại Trung Quốc để tham dự triển lãm Chinaplas
10	06/QĐ-PPC-HĐQT	22/05/2015	V/v Chi thưởng hoàn thành vượt KH lợi nhuận năm 2014 cho Ban lãnh đạo PPC
11	07/QĐ-PPC-HĐQT	30/06/2015	V/v Phê duyệt chi lương theo mức lương được phê duyệt của Công ty PPC
12	08/QĐ-PPC-HĐQT	04/08/2015	Vv thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án mua sắm bổ sung 01 máy sợi và 04 máy dệt
13	09/QĐ-PPC-HĐQT	25/09/2015	Vv Phê duyệt Sơ đồ tổ chức Công ty PPC
14	10/QĐ-PPC-HĐQT	09/11/2015	Vv ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý hoạt động lựa chọn nhà thầu của Công ty PPC
15	11/QĐ-PPC-HĐQT	30/11/2015	Vv ban hành Quy chế Quản lý nợ của Công ty PPC
16	12/QĐ-PPC-HĐQT	30/11/2015	Vv ban hành Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Công ty PPC
17	13/QĐ-PPC-HĐQT	30/11/2015	Vv ban hành Quy chế tuyển dụng của Công ty PPC
18	14/QĐ-PPC-HĐQT	10/12/2015	Vv Cử Giám đốc đi công tác tại Trung Quốc để nghiên cứu tìm hiểu thiết bị, công nghệ sản xuất NPK, N.HUMATE + TE



1. Hội đồng quản trị (tt)

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị Ông Trần Thiên Hồng, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SL cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Quang Tám	Trưởng ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Văn Khán	Thành viên BKS	-	-
3	Trương Quỳnh Anh	Thành viên BKS	-	-

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp thành viên ban kiểm soát. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ để kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kiểm soát báo cáo tài chính quý, bán niên của Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty nhằm kịp thời có những kiến nghị hợp lý;
- Kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành Công ty thông qua việc giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty; Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiểm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính bán niên và kiểm tra báo cáo tài chính kiểm toán năm của công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương – Thù lao	Phụ cấp	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch HĐQT	72.000.000		72.000.000
3	Tống Việt Thống	TV HĐQT	48.000.000		48.000.000
4	Trần Như Quỳnh	TV HĐQT	48.000.000		48.000.000
5	Trang Hoàng Mỹ	TV HĐQT	16.000.000		16.000.000
6	Trần Thiên Hồng	TV HĐQT	32.000.000		32.000.000
II	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT				
	Lê Quốc Dũng		384.000.000	33.600.000	417.600.000
II	Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Quang Tám	Trưởng ban KS	30.000.000		30.000.000
2	Trương Quỳnh Anh	KSV	18.000.000		18.000.000
3	Nguyễn Văn Khán	KSV	18.000.000		18.000.000
Tổng cộng			666.000.000	33.600.000	699.600.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hồng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Trang Hoàng Mỹ	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Tống Việt Thống	Ủy viên
Bà Trần Như Quỳnh	Ủy viên

Giám đốc


Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc
------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. 



Lê Quốc Dũng
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Số: 3113 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2452-2013-001-1

0100
C
TRÁCH
DE
VI
2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.125.389.469	39.760.955.368
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.874.069.945	17.586.592.863
1. Tiền	111		6.874.069.945	11.518.083.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.068.509.078
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.582.574.279	13.574.998.156
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.582.574.279	12.620.871.556
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	165.900.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	788.226.600
III. Hàng tồn kho	140	7	8.974.436.317	7.641.184.381
1. Hàng tồn kho	141		8.974.436.317	7.641.184.381
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		694.308.928	958.179.968
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		653.327.050	411.941.572
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	-	365.858.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	40.981.878	180.379.995
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.292.774.017	54.853.918.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		52.096.338.593	54.664.923.900
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	52.096.338.593	54.664.923.900
- Nguyên giá	222		76.017.470.418	72.331.843.009
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.921.131.825)	(17.666.919.109)
III. Tài sản dài hạn khác	260		193.435.424	185.994.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		193.435.424	185.994.485
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		85.418.163.486	94.614.873.753


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

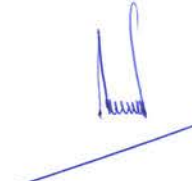
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.162.930.224	47.911.841.076
I. Nợ ngắn hạn	310		15.783.107.984	17.180.018.836
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.930.566.503	8.860.059.343
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	558.391.957	16.189.184
3. Phải trả người lao động	314		3.003.023.545	2.406.936.229
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		285.199.362	261.161.227
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	232.185.963	125.875.825
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	9	8.352.000.000	5.302.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.421.740.654	207.797.028
II. Nợ dài hạn	330		22.379.822.240	30.731.822.240
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	9	22.379.822.240	30.731.822.240
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.255.233.262	46.703.032.677
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	47.255.233.262	46.703.032.677
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.650.000.000	32.650.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.433.155.732	897.105.742
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.172.077.530	13.155.926.935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.224.826.955	2.915.593.667
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.947.250.575	10.240.333.268
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		85.418.163.486	94.614.873.753


 Nguyễn Đình Lịch
 Người lập biểu


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Dũng
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	144.476.510.268	160.549.697.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.542.125.650
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		144.476.510.268	157.007.571.618
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	120.656.939.156	133.417.656.711
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		23.819.571.112	23.589.914.907
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		122.409.154	277.499.494
7. Chi phí tài chính	22		2.981.668.071	4.332.774.960
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.981.513.071	4.328.916.560
8. Chi phí bán hàng	25	17	2.542.052.535	1.926.327.404
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	8.476.870.133	6.223.929.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.941.389.527	11.384.382.132
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	6.234.057
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(6.234.057)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.941.389.527	11.378.148.075
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	994.138.952	1.137.814.807
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.947.250.575	10.240.333.268
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	2.329	2.565



Nguyễn Đình Lịch
 Người lập biểu



Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Dũng
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

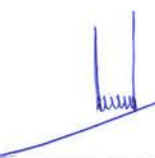
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.941.389.527	11.378.148.075
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.254.212.716	5.810.338.457
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	155.000	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(114.048.954)	(277.499.494)
Chi phí lãi vay	06	2.981.513.071	4.328.916.560
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.063.221.360	21.239.903.598
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.502.319.605)	2.200.102.608
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.333.251.936)	1.337.167.676
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.903.901.650)	722.557.704
(Tăng) chi phí trả trước	12	(248.826.417)	199.842.609
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.990.740.382)	(4.373.895.071)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(742.019.469)	(1.318.194.802)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(651.106.364)	(465.032.278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.691.055.537	19.542.452.044
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.685.627.409)	(792.535.158)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	114.048.954	277.499.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.571.578.455)	(515.035.664)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.662.715.542	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.964.715.542)	(6.152.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.530.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.832.000.000)	(6.152.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(10.712.522.918)	12.875.416.380
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.586.592.863	4.711.176.483
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	6.874.069.945	17.586.592.863


 Nguyễn Đình Lịch
 Người lập biểu


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Dũng
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ bảy ngày 08 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 185 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 137 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Quyết định số 28/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PBP.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí lãi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2015 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	70.414.415	44.373.742
Tiền gửi ngân hàng	6.803.655.530	11.473.710.043
Các khoản tương đương tiền	-	6.068.509.078
	<u>6.874.069.945</u>	<u>17.586.592.863</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Trước đây là Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau)	16.140.949.029	11.537.724.304
Các khách hàng khác	441.625.250	1.083.147.252
	<u>16.582.574.279</u>	<u>12.620.871.556</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)	<u>16.140.949.029</u>	<u>11.537.724.304</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.717.812.326	-	3.589.982.413	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.207.200.708	-	390.676.496	-
Thành phẩm	4.049.423.283	-	3.660.525.472	-
	<u>8.974.436.317</u>	<u>-</u>	<u>7.641.184.381</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	35.931.240.697	33.554.950.814	2.773.187.862	72.463.636	72.331.843.009
Mua sắm mới	-	1.252.576.500	2.382.727.273	50.323.636	3.685.627.409
Tại ngày 31/12/2015	35.931.240.697	34.807.527.314	5.155.915.135	122.787.272	76.017.470.418
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	6.384.943.115	10.053.148.024	1.176.180.487	52.647.483	17.666.919.109
Khấu hao trong năm	2.057.148.204	3.578.213.855	593.679.741	25.170.916	6.254.212.716
Tại ngày 31/12/2015	8.442.091.319	13.631.361.879	1.769.860.228	77.818.399	23.921.131.825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	29.546.297.582	23.501.802.790	1.597.007.375	19.816.153	54.664.923.900
Tại ngày 31/12/2015	27.489.149.378	21.176.165.435	3.386.054.907	44.968.873	52.096.338.593

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 30.500.000 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 46.891.412.496 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 52.185.297.672 VND).

9. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	31/12/2015		Phát sinh trong kỳ		31/12/2014	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu						
Hợp đồng số 11160128/HĐTD ký ngày 28/01/2011 (i)	28.961.053.491	28.961.053.491	-	5.130.000.000	34.091.053.491	34.091.053.491
Hợp đồng số 57.140613/HĐTD ký ngày 20/6/2013 (ii)	1.770.768.749	1.770.768.749	-	172.000.000	1.942.768.749	1.942.768.749
Các hợp đồng vay ngắn hạn khác	-	-	13.638.084.292	13.638.084.292	-	-
	30.731.822.240	30.731.822.240	13.638.084.292	18.940.084.292	36.033.822.240	36.033.822.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Tại ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 VND và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.352.000.000	5.302.000.000
Trong năm thứ hai	8.352.000.000	8.352.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	14.027.822.240	22.379.822.240
	<u>30.731.822.240</u>	<u>36.033.822.240</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	8.352.000.000	5.302.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>22.379.822.240</u>	<u>30.731.822.240</u>

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	519.337.500	-
Công ty TNHH Quân Quân	137.999.400	-
Công ty Cổ phần Nam Thiên Sáng	161.000.699	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Việt Nhật	242.572.165	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương thực	320.490.951	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thái Anh	454.136.760	-
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	5.845.207.500
Công ty TNHH In và Sản xuất Bao bì Thiên Hà	-	1.498.275.000
Phải trả cho các đối tượng khác	95.029.028	1.516.576.843
	<u>1.930.566.503</u>	<u>8.860.059.343</u>
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)	-	5.845.207.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	74.974.800	26.710.935
Bảo hiểm xã hội	123.402.760	76.998.480
Bảo hiểm y tế	21.382.327	13.350.834
Bảo hiểm thất nghiệp	12.426.076	8.815.576
	<u>232.185.963</u>	<u>125.875.825</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	Phát sinh trong năm		Thuế phải thu	Thuế phải nộp
	tại 31/12/2014	tại 31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	tại 31/12/2015	tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.236.491.221	2.761.252.002	-	475.239.219
- Thuế GTGT đầu ra	-	-	3.144.531.791	2.669.292.572	-	475.239.219
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	91.959.430	91.959.430	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	180.379.995	-	994.138.952	742.019.469	-	71.739.488
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.189.184	227.631.002	232.406.936	-	11.413.250
Thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	237.135.122	278.117.000	40.981.878	-
	<u>180.379.995</u>	<u>16.189.184</u>	<u>4.698.396.297</u>	<u>4.016.795.407</u>	<u>40.981.878</u>	<u>558.391.957</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	32.650.000.000	-	4.485.528.715	37.135.528.715
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.240.333.268	10.240.333.268
Trích lập các quỹ	-	897.105.742	(1.569.935.048)	(672.829.306)
Số dư tại ngày 31/12/2014	32.650.000.000	897.105.742	13.155.926.935	46.703.032.677
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.947.250.575	8.947.250.575
Trích lập các quỹ (i)	-	1.536.049.990	(3.401.099.980)	(1.865.049.990)
Chia cổ tức (i)	-	-	(6.530.000.000)	(6.530.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	32.650.000.000	2.433.155.732	12.172.077.530	47.255.233.262

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.265.000	3.265.000
Cổ phiếu phổ thông	3.265.000	3.265.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.265.000	3.265.000
Cổ phiếu phổ thông	3.265.000	3.265.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ bảy ngày 08 tháng 5 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 32.650.000.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Trước đây là Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau)	20.400.000.000	62,48	16.661.000.000	51,03	16.661.000.000	51,03
Công ty TNHH Trang Hoàng Mỹ	7.500.000.000	22,97	-	-	-	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.750.000.000	14,55	-	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	-	-	2.400.000.000	7,35	2.400.000.000	7,35
Cổ đông khác	-	-	13.589.000.000	41,62	13.589.000.000	41,62
	32.650.000.000	100	32.650.000.000	100	32.650.000.000	100

14. DOANH THU

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán bao bì	144.329.358.410	160.455.515.450
Doanh thu bán phế liệu	147.151.858	94.181.818
	144.476.510.268	160.549.697.268
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	(3.542.125.650)
	-	(3.542.125.650)
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)	135.880.088.210	153.880.516.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của bao bì đã bán	120.656.939.156	133.417.656.711
	120.656.939.156	133.417.656.711

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.397.120.825	112.616.363.361
Chi phí nhân công	16.133.398.605	13.357.367.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.254.212.716	5.810.338.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.092.492.864	9.142.852.826
Chi phí khác bằng tiền	798.636.814	640.991.474
	131.675.861.824	141.567.914.020

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.117.596.071	2.254.316.685
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.378.777.864	1.235.199.404
- Thuế, phí và lệ phí	616.178.118	538.128.744
- Dịch vụ mua ngoài	2.771.753.372	1.589.491.432
- Các khoản chi phí QLDN khác	592.564.708	606.793.640
	8.476.870.133	6.223.929.905
Các khoản chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.022.627.952	702.996.154
- Chi phí khấu hao TSCĐ	214.436.937	62.007.960
- Dịch vụ mua ngoài	1.178.940.349	1.100.076.595
- Các khoản chi phí bán hàng khác	126.047.297	61.246.695
	2.542.052.535	1.926.327.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.941.389.527	11.378.148.075
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.941.389.527	11.378.148.075
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	2.187.105.696	2.503.192.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do áp dụng thuế suất ưu đãi 20%	(198.827.791)	(227.562.962)
Thuế phải nộp được miễn giảm 50%	(994.138.953)	(1.137.814.807)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	994.138.952	1.137.814.807

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2015 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.947.250.575	10.240.333.268
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(1.342.087.586)	(1.865.049.990)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.605.162.989	8.375.283.278
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.265.000	3.265.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.329	2.565



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	VND	VND
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10.240.333.268	3.136
Ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.865.049.990)	(571)
Số đã điều chỉnh lại	8.375.283.278	2.565

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	30.731.822.240	36.033.822.240
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.874.069.945	17.586.592.863
Nợ thuần	23.857.752.295	18.447.229.377
Vốn chủ sở hữu	47.255.233.262	46.703.032.677
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,50	0,39

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.874.069.945	17.586.592.863
Phải thu khách hàng	16.582.574.279	12.620.871.556
Các khoản ký quỹ	3.000.000	791.226.600
Tổng cộng	23.459.644.224	30.998.691.019
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	1.930.566.503	8.860.059.343
Chi phí phải trả	285.199.362	261.161.227
Các khoản vay	30.731.822.240	36.033.822.240
Tổng cộng	32.947.588.105	45.155.042.810

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty sẽ (giảm)/tăng 614.636.445 VND (năm 2014: 720.676.445 VND).

	<u>Tăng/(Giảm)</u> <u>số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u> <u>nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(614.636.445)
VND	-200	614.636.445
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(720.676.445)
VND	-200	720.676.445

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 21.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.874.069.945	-	6.874.069.945
Phải thu khách hàng	16.582.574.279	-	16.582.574.279
Các khoản ký quỹ	-	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	23.456.644.224	3.000.000	23.459.644.224
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	1.930.566.503	-	1.930.566.503
Chi phí phải trả	285.199.362	-	285.199.362
Các khoản vay	8.352.000.000	22.379.822.240	30.731.822.240
Tổng cộng	10.567.765.865	22.379.822.240	32.947.588.105
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.888.878.359	(22.376.822.240)	(9.487.943.881)
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.586.592.863	-	17.586.592.863
Phải thu khách hàng	12.620.871.556	-	12.620.871.556
Các khoản ký quỹ	788.226.600	3.000.000	791.226.600
Tổng cộng	30.995.691.019	3.000.000	30.998.691.019
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	8.860.059.343	-	8.860.059.343
Chi phí phải trả	261.161.227	-	261.161.227
Các khoản vay	5.302.000.000	30.731.822.240	36.033.822.240
Tổng cộng	14.423.220.570	30.731.822.240	45.155.042.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.572.470.449	(30.728.822.240)	(14.156.351.791)

Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Trước đây là Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau)	Chủ sở hữu
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần bảo dưỡng và sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	135.880.088.210	153.880.516.950
Mua nguyên vật liệu		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	21.552.975.000	55.144.248.727
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas miền Trung	21.155.278.117	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	1.435.500.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung	1.417.950.000	-
Dịch vụ khác		
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	133.829.718	72.741.155
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	113.781.481	93.768.954
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	50.000.000	50.000.000
Chia cổ tức cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.332.000.000	-
Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.278.524.892	834.950.592

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	16.140.949.029	11.537.724.304
Các khoản phải trả		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	5.845.207.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Cụ thể:

Bảng cân đối kế toán:

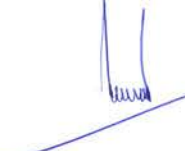
Đơn vị: VND

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Phải thu khách hàng	131	12.620.871.556	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12.620.871.556	Đổi tên
2. Các khoản phải thu khác	135	-	2. Phải thu ngắn hạn khác	136	788.226.600	Phân loại lại và đổi tên
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	788.226.600	3. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	- Phân loại lại
4. Tài sản dài hạn khác	268	3.000.000	4. Tài sản dài hạn khác	268	-	- Phân loại lại
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	5. Phải thu dài hạn khác	216	3.000.000	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	8.860.059.343	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	8.860.059.343	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	261.161.227	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	261.161.227	Đổi tên
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	125.875.825	3. Phải trả ngắn hạn khác	319	125.875.825	Đổi tên
4. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.302.000.000	4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.302.000.000	Đổi tên
5. Vay và nợ dài hạn	334	30.731.822.240	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	30.731.822.240	Đổi tên
6. Vốn điều lệ	411	32.650.000.000	6. Vốn góp của chủ sở hữu	411	32.650.000.000	Đổi tên

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
TÊN CHỈ TIÊU	Mã số	2014	TÊN CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
1. Doanh thu bán hàng	01	160.455.515.450	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	160.549.697.268	Phân loại lại và đổi tên
2. Thu nhập khác	31	94.181.818	2. Thu nhập khác	31	-	- Phân loại lại


 Nguyễn Đình Lịch
 Người lập biểu


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Dũng
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Xác nhận của tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Người đại diện theo pháp luật)




LÊ QUỐC DŨNG